

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
<i>Danh mục các sơ đồ</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN	6
1.1. Khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế	6
1.1.1. Định nghĩa hợp đồng thương mại quốc tế	6
1.1.2. Một số loại hợp đồng thương mại quốc tế chủ yếu	9
1.2. Khái niệm tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế	15
1.2.1. Định nghĩa tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế	15
1.2.2. Một số loại tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế	18
1.3. Phương thức giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án	27
1.3.1. Khái quát về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án	27
1.3.2. Vai trò của phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án	30
1.3.3. Cơ sở pháp lý của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án	32
Chương 2: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN THEO CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở MỘT SỐ QUỐC GIA	38
2.1. Thẩm quyền của Tòa án giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế	38
2.1.1. Theo quy định của các công ước quốc tế	38
2.1.2. Theo quy định của pháp luật một số quốc gia	43
2.2. Luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án	58
2.2.1. Các Công ước quốc tế	58
2.2.2. Pháp luật quốc gia	62
2.2.3. Tập quán thương mại quốc tế (Lex Mercatoria)	70
2.2.4. Tiền lệ pháp - án lệ (case law)	72
2.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án theo quy định của các nước	72
2.3.1. Nguyên tắc chung trong việc giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại Tòa án các quốc gia	72
2.3.2. Thủ tục tố tụng Tòa án	74
2.3.3. Thời hiệu khởi kiện	78

2.3.4.	Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa	81
2.4.	Một số vấn đề khác trong hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án	82
2.4.1.	Vấn đề cước án phí	82
2.4.2.	Vấn đề ủy thác tư pháp	84
	Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN VIỆT NAM	87
3.1.	Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam	87
3.1.1.	Tình hình thụ lý, giải quyết án kinh doanh thương mại ở Tòa án	87
3.1.2.	Những nhận xét chung về thực trạng thụ lý, giải quyết án kinh doanh thương mại ở Tòa án	91
3.2.	Các giải pháp về hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án Việt Nam	102
3.2.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp từ hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài	102
3.2.2.	Phương hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng Tòa án	103
3.2.3.	Một số kiến nghị về các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng Tòa án	105
	KẾT LUẬN	117
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	120

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế chung hội nhập kinh tế toàn cầu, Việt Nam đang tiến hành đổi mới một cách toàn diện đất nước, thừa nhận nhiều thành phần kinh tế theo nền kinh tế thị trường. Các quan hệ kinh tế trong nước cũng như các quan hệ thương mại quốc tế ngày càng phong phú và đa dạng. Điều đó cũng có nghĩa là tranh chấp trong hợp đồng thương mại quốc tế tất yếu nảy sinh và cần phải có cơ chế giải quyết các tranh chấp đó một cách phù hợp và có hiệu quả. Một trong các phương thức giải quyết đó là phương thức giải quyết tại Tòa án.

Việc nghiên cứu một cách tổng quát, toàn diện những luận cứ, cơ sở khoa học về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án ở các nước và Việt Nam có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, là nhu cầu cấp thiết đối với công cuộc cải cách tư pháp của Nhà nước ta. Từ đó đề xuất những giải pháp thích hợp cho việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức và nâng cao chất lượng xét xử loại án tranh chấp kinh doanh thương mại nói chung, các tranh chấp từ hợp đồng thương mại quốc tế nói riêng.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu vấn đề giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Tòa án đã có một số học giả, chuyên gia pháp lý với những công trình khoa học như là: Đề tài cấp bộ năm 2003 của Tòa án nhân dân tối cao về "*Thẩm quyền của Tòa kinh tế trong việc thực hiện cải cách tư pháp - những vấn đề lý luận và thực tiễn*"; Các luận án tiến sĩ, thạc sĩ có liên quan đến thẩm quyền Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp thương mại như là: Luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Kim Vinh: "*Pháp luật giải quyết tranh chấp kinh tế bằng con đường Tòa án ở Việt Nam*", 2002; Luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Hoài Phương: "*Hoàn thiện pháp luật về tài phán kinh tế ở Việt Nam hiện nay*", 2007...; các cuốn sách có liên quan như: "*Giáo trình Luật Thương mại quốc tế*", của Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội do PGS. TS Nguyễn Bá Diễn chủ biên, 2005; "*Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng con đường tòa án*", của Nguyễn Vũ Hoàng, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2004; ... Các công trình khoa học trên đã đề cập đến nhiều nội dung với những khía cạnh khác nhau về giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay bằng phương thức Tòa án.

Tuy nhiên, các nghiên cứu trên còn ở phạm vi chung hoặc ở những khía cạnh khác mà chưa có công trình nào đề cập đến việc "giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án". Do đó, bằng việc tìm hiểu, phân tích quy định của pháp luật các nước và Công ước quốc tế cũng như những đánh giá thực tiễn Việt Nam về vấn đề giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Tòa án nhằm đưa ra những giải pháp thích hợp, tôi đã chọn đề tài "*Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án*" để nghiên cứu với mong muốn luận văn này góp phần làm rõ thêm hoạt động quan trọng này.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận văn

- Mục đích nghiên cứu của luận văn: Làm rõ thêm một số vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng thương mại quốc tế; Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn về hoạt động giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án Việt Nam.

- Nhiệm vụ của luận văn: Để đạt được mục đích trên, tác giả đặt ra các nhiệm vụ sau:

+ Phân tích các quy định hiện hành của pháp luật quốc tế và Việt Nam về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án;

+ Phân tích thực trạng giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế ở Tòa án Việt Nam;

+ Xây dựng các kiến nghị về những giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao chất lượng giải quyết các vụ việc tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài của Tòa án.

- Đối tượng nghiên cứu: Là các hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng tòa án nói chung ở các quốc gia và Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: Tác giả giới hạn xem xét vấn đề cơ bản trong hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Tòa án Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận chung của luận văn là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trên nền tảng phương pháp luận đó tác giả áp dụng các phương pháp cụ thể như: phương pháp hệ thống, thống kê, phân tích, so sánh và tổng hợp.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

Nghiên cứu một cách hệ thống và chuyên sâu những vấn đề liên quan về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án (thẩm quyền, luật áp dụng, thủ tục tố tụng...). Phân tích những mặt tích cực và tồn tại trong phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án ở một số nước cũng như ở Việt Nam, so sánh các quy định đó ở một số nước điển hình và so sánh với phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng trọng tài. Đưa ra những kiến nghị mới nhằm hoàn thiện hơn nữa phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Kết quả nghiên cứu của đề tài làm cơ sở khoa học và thực tiễn để phục vụ công tác giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế ở Tòa án Việt Nam có hiệu quả hơn.
- Làm cơ sở cho việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế tại Tòa án Việt Nam của các bên tham gia hợp đồng.
- Làm tài liệu phục vụ nghiên cứu, học tập về hoạt động giải quyết các tranh chấp trong hợp đồng thương mại.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về hợp đồng thương mại quốc tế và giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án.

Chương 2: Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án theo các công ước quốc tế và pháp luật ở một số quốc gia.

Chương 3: Thực trạng và các giải pháp giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án Việt Nam.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG

THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN

1.1. Khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế

1.1.1. Định nghĩa hợp đồng thương mại quốc tế

Về mặt lý luận, hợp đồng trong thương mại là một loại hợp đồng dân sự, một loại hợp đồng dân sự theo nghĩa rộng. Với ý nghĩa như vậy, các quy định về hợp đồng dân sự tại Bộ luật dân sự được áp dụng cho các loại hợp đồng nói chung, trong đó có các hợp đồng về thương mại và hợp đồng thương mại quốc tế.

Hợp đồng thương mại quốc tế, trước hết cũng mang những đặc điểm của hợp đồng dân sự nói chung, đó là: sự thỏa thuận ý chí của ít nhất là hai bên chủ thể nhằm đạt được mục đích đã đề ra, theo đó các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận. Sự thỏa thuận trong hợp đồng phải hợp pháp và thể hiện được nội dung chính của hợp đồng. Bên cạnh đó Hợp đồng thương mại quốc tế còn mang "tính chất thương mại" và có "tính chất quốc tế", hay còn gọi là "yếu tố nước ngoài".

Tóm lại, hợp đồng thương mại quốc tế là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ thương mại quốc tế.

1.1.2. Một số loại hợp đồng thương mại quốc tế chủ yếu

Căn cứ vào nội dung của mối quan hệ thương mại quốc tế, hợp đồng trong thương mại quốc tế được chia thành các loại chủ yếu: Hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng xây dựng, hợp đồng trung gian thương mại (hợp đồng đại diện cho thương nhân, hợp đồng môi giới thương mại, hợp đồng đại lý, hợp đồng ủy thác mua

bán hàng hóa), hợp đồng dịch vụ xúc tiến thương mại (hợp đồng dịch vụ quảng cáo, hợp đồng dịch vụ trưng bày giới thiệu sản phẩm hàng hóa), hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng trong lĩnh vực đầu tư (hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng liên doanh...). Trong thực tiễn thương mại quốc tế có các loại hợp đồng chủ yếu sau:

- *Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*: Mua bán hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hoá theo thỏa thuận.

- *Hợp đồng cung ứng dịch vụ có yếu tố nước ngoài*: Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận.

Hợp đồng dịch vụ được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.

- *Hợp đồng vận tải quốc tế*: Vận tải quốc tế là hình thức vận chuyển hàng hóa hoặc hành khách giữa hai hay nhiều nước với nhau, vượt ra ngoài biên giới, lãnh thổ quốc gia. Trong thương mại quốc tế có nhiều hình thức vận tải như vận tải đường bộ, vận tải đường biển, vận tải đường hàng không, vận tải đường sắt.

Vận tải quốc tế được thực hiện thông qua hình thức hợp đồng: Hợp đồng vận tải quốc tế.

- *Hợp đồng chuyển giao công nghệ*: Hợp đồng chuyển giao công nghệ là văn bản thỏa thuận, theo đó, bên chuyển giao công nghệ giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng công nghệ cho bên được chuyển giao với những điều kiện nhất định về quyền và nghĩa vụ của các bên, phạm vi lãnh thổ, thời gian thủ đắc đối tượng công nghệ...

- *Hợp đồng tín dụng quốc tế*: Hợp đồng tín dụng quốc tế là văn bản thỏa thuận giữa bên cho vay và bên đi vay về việc cấp tín dụng và các điều kiện vay trả nợ.

Tín dụng thương mại quốc tế thường gắn với quan hệ mua bán hàng hóa và hình thức thanh toán hàng hóa đó.

1.2. Khái niệm tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế

1.2.1. Định nghĩa tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế

"Tranh chấp" được hiểu là sự mâu thuẫn hoặc bất đồng (tranh cãi) về các yêu cầu hay quyền lợi, sự đòi hỏi về yêu cầu hay quyền lợi từ một bên được đáp lại bởi một yêu cầu hay lập luận trái ngược từ bên kia.

Tranh chấp hợp đồng thương mại gồm có các đặc điểm sau:

- Có quan hệ hợp đồng thương mại tồn tại giữa các bên tranh chấp;
- Chủ thể của tranh chấp hợp đồng thương mại chủ yếu là các thương nhân hoặc ít nhất một bên là thương nhân;
- Có sự vi phạm nghĩa vụ của một bên làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của bên kia;
- Có sự bất đồng quan điểm của các bên về sự vi phạm hoặc việc xử lý hậu quả phát sinh từ sự vi phạm;
- Có yếu tố tài sản, gắn liền với lợi ích của các bên và phát sinh tranh chấp trực tiếp từ quan hệ hợp đồng;
- Các bên tranh chấp có quyền tự định đoạt và giải quyết theo nguyên tắc bình đẳng, thỏa thuận.

1.2.2. Một số loại tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế

- Tranh chấp từ việc thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế, có thể là:

- i) Các tranh chấp từ nghĩa vụ giao hàng của người bán.
- ii) Các tranh chấp phát sinh do bên mua vi phạm nghĩa vụ.
- iii) Các tranh chấp phát sinh liên quan tới việc vận chuyển hàng hóa.

- Các tranh chấp liên quan đến tư cách pháp lý của chủ thể ký kết hợp đồng.
- Các tranh chấp liên quan đến hình thức của hợp đồng.

1.3. Phương thức giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án

1.3.1. Khái quát về phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án

Tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế có thể được giải quyết bằng nhiều phương thức khác nhau. Những phương thức thường được áp dụng là giải quyết bằng thương lượng, giải quyết bằng hòa giải, giải quyết bằng trọng tài và giải quyết bằng tòa án. Mỗi phương thức giải quyết khác nhau lại có những ưu điểm và nhược điểm khác nhau. Đôi khi các phương thức giải quyết trên lại đan xen, hỗ trợ cho nhau trong quá trình giải quyết vụ việc.

Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án là hình thức giải quyết thông qua hoạt động của cơ quan tài phán Nhà nước. Cơ quan tài phán Nhà nước có quyền nhân danh nhà nước đưa ra phán quyết buộc các bên có nghĩa vụ thi hành.

- Ưu điểm:

- + Bản án, quyết định của Tòa án được bảo đảm thi hành bằng cưỡng chế của Nhà nước.
- + Tòa án có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết vụ án hoặc để bảo đảm thi hành án.
- + Đương sự có thể kháng cáo, yêu cầu Tòa án xét xử lại, nếu thấy phán quyết của Tòa án không thỏa đáng.

- Hạn chế:

- + Thủ tục tố tụng chặt chẽ, không khỏi khiến cho các thương gia cảm thấy bị gò bó và đôi khi quá cứng nhắc.
- + Tòa án xét xử công khai nên khó bảo đảm bí mật.
- + Quyền tự định đoạt của đương sự bị hạn chế so với tố tụng Trọng tài.

1.3.2. Vai trò của phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án

- Duy trì trật tự pháp luật trong hoạt động kinh doanh, thực hiện nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động kinh tế, thương mại.
- Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án có vai trò quan trọng trong việc khuyến khích đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài, hội nhập kinh tế, tạo nên sự tăng trưởng cho nền kinh tế.
- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên trong quan hệ hợp đồng thương mại quốc tế khi bị vi phạm hoặc có tranh chấp xảy ra. Là chỗ dựa pháp lý vững chắc cho các doanh nhân.

1.3.3. Cơ sở pháp lý của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án

- Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng
- Các quy định của pháp luật
 - Luật quốc gia
 - Các công ước quốc tế

Chương 2

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN THEO CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở MỘT SỐ QUỐC GIA

2.1. Thẩm quyền của Tòa án giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế

2.1.1. Theo quy định của các công ước quốc tế

Trong một vụ kiện dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài, xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án luôn luôn là vấn đề đầu tiên được đặt ra và có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ tiến trình giải quyết tranh chấp. Thẩm quyền là giới hạn những vụ việc tranh chấp được pháp luật quy định cho Tòa án giải quyết.

Thẩm quyền là vấn đề cơ bản nhất trong tất cả các vấn đề của tư pháp quốc tế. Bởi vì, tư pháp quốc tế là các quy định của luật quốc nội, dù có thể có rất nhiều điểm giống nhau và các quốc gia công nhận các nguyên tắc tương tự nhưng không có quy định của nước nào hoàn toàn giống nước nào trên thế giới.

Việc xác định cơ quan tài phán nước nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài (nói chung), hợp đồng thương mại quốc tế (nói riêng) chính là việc giải quyết vấn đề xung đột thẩm quyền xét xử trong tư pháp quốc tế.

Về thẩm quyền tài phán của Tòa án giải quyết các tranh chấp từ các hợp đồng thương mại quốc tế được quy định trong các Công ước quốc tế cơ bản sau:

- Các điều ước quốc tế trong khuôn khổ Liên minh châu Âu, như Công ước Brussels năm 1968 về các vấn đề dân sự và thương mại quy định thẩm quyền của Tòa án được xác định theo nguyên tắc Tòa án nơi cư trú của bị đơn có quyền giải quyết vụ án (actor forum rei sequitur).

- Nghị quyết Brussels (Liên minh châu Âu) về thẩm quyền và thực thi các phán quyết trong lĩnh vực dân sự - thương mại năm 2000, quy tắc xác định thẩm quyền chung là "*Người nào cư trú ở một nước thành viên, bất kể họ có quốc tịch gì, sẽ bị kiện tại tòa án của nước thành viên đó*" (Khoản 1, Điều 2).

- Công ước thống nhất một số quy tắc về vận đơn đường biển (The International Convention for Reunification of certain rules relating to Bill of Lading) được ký kết ngày 25/8/1924 tại Brussels quy định, người khiếu nại chỉ có thể khiếu nại người vận chuyển tại trụ sở chính của người vận chuyển.

- Công ước của Liên hợp quốc về vận chuyển hàng hóa bằng đường biển năm 1978 (Quy tắc Harmburg 1978), quy định nguyên đơn có thể, theo sự lựa chọn của mình, khởi kiện tại một Tòa án mà pháp luật của nước có Tòa án này công nhận là có thẩm quyền và trong phạm vi xét xử của Tòa án đó có một trong các địa điểm sau: Trụ sở chính của người vận chuyển; Cảng xếp hàng; Cảng dỡ hàng hoặc nơi khác đã được quy định trong hợp đồng.

- Công ước Vacsava năm 1929, về thống nhất những quy tắc liên quan đến vận chuyển hàng không quốc tế cho nguyên đơn được lựa chọn một trong những Tòa án có thẩm quyền với điều kiện là các Tòa án nằm trong lãnh thổ của các quốc gia kết ước.

- Công ước La Hay ngày 15/04/1958 về quyền tài phán của cơ quan xét xử được lựa chọn trong mua bán hàng hóa quốc tế (Convention on the jurisdiction of the selected forum in the case of international sales of goods). Theo đó, các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa có quyền lựa chọn một tòa án cụ thể hoặc tòa án của một nhà nước thành viên của Công ước giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng giữa các bên.

- Công ước La Hay ngày 25/11/1965 về Lựa chọn tòa án (Convention on the choice of court) quy định giữa các nước thành viên của Công ước có quyền lựa chọn Tòa án quốc gia thành viên để giải quyết các tranh chấp phát sinh hoặc có thể phát sinh trong một quan hệ pháp luật cụ thể.

- Công ước La Hay về Thỏa thuận lựa chọn tòa án (Convention on choice of court agreements - Concluded 30 June 2005). Theo đó, Tòa án của nước thành viên được lựa chọn trong thỏa thuận về Tòa án giữa các Bên có quyền giải quyết tranh chấp đã thỏa thuận, trừ khi thỏa thuận này vô hiệu theo quy định của pháp luật của Nhà nước đó.

2.1.2. Theo quy định của pháp luật một số quốc gia

Về nguyên tắc, Tòa án tư pháp ở các quốc gia có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp từ hợp đồng thương mại quốc tế.

- Các quy định về mô hình tổ chức Tòa án ở các quốc gia

Ở Cộng hòa Pháp (hệ thống luật châu Âu lục địa), tồn tại hai hệ thống tòa án có thẩm quyền là tòa án thương mại và trọng tài thương mại. Hệ thống tòa án Pháp gồm có Tòa sơ thẩm, Tòa sơ thẩm quyền rộng, Tòa thượng thẩm và Tòa án tối cao (tòa phá án). Tòa án thương mại được tổ chức theo đơn vị hành chính quận, là cơ quan xét xử độc lập với các tòa án khác.

Ở Cộng hòa liên bang Đức, tòa thương mại nằm trong hệ thống tòa án chung (xét xử các vụ án hình sự và dân sự) và chỉ xét xử sơ thẩm các tranh chấp thương mại. Việc giải quyết phúc thẩm các vụ án thương mại do Tòa dân sự thuộc tòa án khu vực xét xử.

Tại Anh, việc giải quyết tranh chấp thương mại áp dụng thủ tục tố tụng dân sự. Cơ cấu tổ chức của Tòa dân sự ở Anh gồm: 1) Tòa án quận hạt (County Court) có thẩm quyền thuần túy về dân sự; 2) Tòa án đệ nhất cấp (High Court of Justice) là bộ phận của Tòa án tối cao nước Anh, được phân thành 3 phân viện, trong đó có 2 phân viện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh tế, đó là Phân viện Luật công bằng (Chancery Division) và Phân viện Quan tòa Nữ hoàng (Queen's Bench Division); 3) Tòa phúc thẩm (Tòa thượng thẩm) là bộ phận cao nhất của Tòa án tối cao. Tòa thượng thẩm có hai bộ phận: Dân sự và Hình sự; 4) Viện quý tộc (Thượng nghị viện) với tư cách là một tòa án giữ vai trò như Tòa thượng thẩm tối cao xét xử các vụ án dân sự trong toàn quốc.

Còn ở Liên bang Nga, thẩm quyền giải quyết các vụ án thương mại thuộc Tòa án trọng tài, là một nhánh độc lập trong hệ thống tòa án của nước này. Các Tòa án trọng tài thuộc hệ thống tư pháp bao gồm: Tòa án trọng tài tối cao Liên bang Nga, các Tòa án trọng tài khu vực (10 tòa) và các Tòa án trọng tài thuộc các chủ thể của Liên bang Nga (các nước cộng hòa tự trị, các tỉnh, thành phố, khu tự trị).

Ở Việt Nam, hệ thống Tòa án nhân dân được phân chia theo địa giới hành chính lãnh thổ tương ứng với ba cấp thẩm quyền: Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao.

- Về thẩm quyền theo vụ việc của tòa án ở một số quốc gia

Các tranh chấp khác nhau được giải quyết ở những tòa án chuyên biệt khác nhau như Tòa án dân sự thường, các tòa chuyên biệt về thương mại, lao động, hành chính, đất đai, nhà ở... Nhiều nước không thành lập tòa án thương mại, việc giải quyết các tranh chấp kinh tế - thương mại do Tòa án dân sự đảm nhiệm và áp dụng chung một thủ tục tố tụng dân sự.

Một số nước có Tòa án thương mại thì Tòa án này cũng không được tổ chức thành một Tòa án độc lập mà là một bộ phận của hệ thống Tòa án tư pháp. Tòa thương mại là một Tòa chuyên trách giải quyết các tranh chấp thương mại bên cạnh các tòa Dân sự, Hình sự, Hành chính...

- Thẩm quyền theo cấp Tòa án ở một số quốc gia

Tòa án thương mại ở Pháp được tổ chức theo đơn vị hành chính quận. Tuy nhiên cũng có quận không thành lập tòa án thương mại mà tòa án dân sự sẽ đảm nhận cả tài phán thương mại.

Cộng hòa liên bang Đức, Tòa án cấp sơ thẩm bao gồm: Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa thương mại. Tòa án thương mại Đức không phải là cơ quan độc lập mà là một tòa chuyên trách của hệ thống Tòa dân sự thẩm quyền rộng.

Thẩm quyền xét xử phúc thẩm các vụ án thương mại thuộc Tòa án khu vực. Tòa án tối cao sẽ xem xét thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm đối với các bản án, quyết định của Tòa án khu vực.

Ở Anh, phân cấp thẩm quyền cho Tòa án cấp Quận hạt (County Court), Tòa án đệ nhất cấp (High Court of Justice) được phân thành 3 Phân viện, trong đó có 2 Phân viện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh - thương mại, đó là Phân viện Luật công bằng (Chancery Division) và Phân viện Quan tòa nữ hoàng (Queen's Bench Division).

Tòa án trọng tài Nga thẩm quyền được phân theo 3 cấp: Tòa án Trọng tài tối cao của Liên bang; Tòa án trọng tài khu vực; Tòa án trọng tài thuộc các chủ thể của Liên bang Nga (các nước cộng hòa, các vùng, các tỉnh, thành phố trực thuộc Liên bang).

Ở Việt Nam, có sự ảnh hưởng của truyền thống luật Châu Âu lục địa, hiện nay cả ba cấp Tòa án đều xét xử tranh chấp kinh doanh - thương mại. Quyền thụ lý xét xử sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh, trong đó chủ yếu do Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh thụ lý sơ thẩm.

- Thẩm quyền Tòa án theo lãnh thổ

Việc xác định thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ trong giải quyết tranh chấp dân sự - thương mại có sự khác biệt tùy theo từng hệ thống pháp luật của các quốc gia. Đặc biệt là hai hệ thống luật châu Âu lục địa (Civil law) và hệ thống luật Anh - Mỹ (Common law). Ở hai hệ thống luật chủ yếu này có những điểm tương đồng cũng như khác biệt nhất định trong việc xác định thẩm quyền của tòa án các quốc gia đối với việc giải quyết các tranh chấp từ hợp đồng thương mại quốc tế.

Đối với các nước theo truyền thống luật châu Âu lục địa, nguyên tắc xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án căn cứ vào nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở của bị đơn, (nghĩa là dựa vào hệ thuộc luật nhân thân để xác định thẩm quyền) hoặc căn cứ vào nơi có tài sản, nơi có mối liên hệ giữa tranh chấp với lãnh thổ quốc gia có tòa án.

Theo hệ thống luật Anh - Mỹ việc xác định thẩm quyền tài phán của Tòa án phải đảm bảo chắc chắn bị đơn có mặt trên lãnh thổ nước có Tòa án.

Ở Mỹ, Tòa án liên bang có quyền tài phán nếu việc tranh tụng giữa công dân Mỹ với công dân nước ngoài không định cư ở Mỹ. Tòa án của từng bang của Hoa Kỳ có thẩm quyền nếu một người hoạt động kinh doanh ở bang đó.

Đối với tòa án Australia, tòa án chỉ có thẩm quyền đối với một người khi người đó thực sự hiện diện và lệnh phải được tổng đạt hợp lệ đến đương sự khi có mặt trong phạm vi của tòa án quốc gia đó.

Thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án Việt Nam dấu hiệu để xác định thẩm quyền là nơi cư trú, làm việc của đương sự là cá nhân, nơi có trụ sở của đương sự là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có bất động sản.

- Phân biệt thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng biệt

Các quốc gia thường quy định thẩm quyền riêng biệt để bảo vệ lợi ích quốc gia, trật tự công cộng và các lợi ích cần thiết của công dân và pháp nhân của mình.

Thẩm quyền giải quyết riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định tại Điều 411 Bộ luật tố tụng dân sự được áp dụng cho những vụ án kinh tế, thương mại.

2.2. Luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án

2.2.1. Các Công ước quốc tế

Trong trường hợp luật quốc gia chưa có quy định đầy đủ hoặc các bên không thỏa thuận được về lựa chọn luật nước nào để điều chỉnh hợp đồng, một Điều ước quốc tế có liên quan được dẫn chiếu áp dụng, làm cơ sở cho quan hệ hợp đồng đó.

Đây cũng chính là vấn đề cơ bản của Tư pháp quốc tế khi giải quyết vấn đề xung đột pháp luật áp dụng. Điều này có nghĩa là các bên có thể chọn một hệ thống pháp luật nhất định để giải quyết tranh chấp.

Có thể kể đến một số Công ước về luật áp dụng cho hợp đồng thương mại quốc tế như là:

- *Công ước Vienna về mua bán hàng hóa quốc tế 1980 của Liên hợp quốc (CISG - United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods)*: CISG được lựa chọn làm luật áp dụng cho nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế dù các quốc gia của bên mua hoặc bên bán chưa phải là thành viên của Công ước.

- *Quy tắc La Hay ngày 15/6/1955 về Luật áp dụng vào hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế*: Các quy tắc bao gồm: 1- Một hợp đồng bán hàng phải tuân thủ theo luật do các bên chỉ định; 2- Nếu không có sự chỉ định này thì luật của nước người bán hàng sẽ được áp dụng. Tuy nhiên có hai ngoại lệ của quy tắc 2: *một là*, khi đơn hàng được giao cho một chi

nhánh của người bán hàng thực hiện thì luật của nước đặt chi nhánh sẽ được áp dụng; *hai là*, khi đơn hàng được giao cho người bán hay đại lý của người bán ở trong nước người mua thì luật được áp dụng sẽ là luật của nước có người mua thường trú.

- *Công ước Roma về luật áp dụng đối với các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng được ký tại Roma ngày 19/6/1980, có hiệu lực ngày 01/4/1991.*

Các quy định của công ước được áp dụng đối với các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng liên quan đến trường hợp lựa chọn luật của các nước khác nhau. Một hợp đồng sẽ được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn. Theo đó các bên có thể lựa chọn luật áp dụng đối với toàn bộ hoặc chỉ một phần của hợp đồng.

- *Công ước Liên Mỹ về luật áp dụng đối với hợp đồng quốc tế được ký ngày 17/5/1994 tại Mexico City.*

Theo công ước thì hợp đồng có tính quốc tế khi các bên tham gia hợp đồng có nơi cư trú thường xuyên ở các nước ký kết khác nhau hoặc nếu hợp đồng có mối liên hệ khách quan với ít nhất một nước tham gia ký kết. Các quy định theo công ước cũng có thể áp dụng cả với những nước không phải là thành viên của công ước.

- *Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ ký kết ngày 13/7/2000 có hiệu lực ngày 10/12/2000:* Nội dung của Hiệp định liên quan đến lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và hoạt động đầu tư, các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Hiệp định về quan hệ thương mại quy định cả về thương mại công (thương mại nhà nước) và thương mại tư (giữa các công dân, công ty hai nhà nước). Quy định cả về nội dung quyền và nghĩa vụ của các Bên tham gia quan hệ thương mại và cơ chế giải quyết tranh chấp theo Hiệp định.

2.2.2. Luật quốc gia

Pháp luật quốc gia được xem là nguồn cơ bản để điều chỉnh các quan hệ hợp đồng thương mại quốc tế.

Trong các hợp đồng thương mại quốc tế, Luật quốc gia áp dụng thông thường là luật của một trong các bên, cũng có thể là luật của nước thứ ba, luật nơi ký hợp đồng, luật quốc tịch, luật nơi nghĩa vụ hợp đồng được thực hiện. Các hệ thuộc thường được áp dụng là: luật quốc tịch của các bên chủ thể (Lex nationalis), luật nơi cư trú (lex domicilii), luật nơi ký kết hợp đồng (Lex loci contratus), luật nơi thực hiện hợp đồng (Locus regit actum).

i. Trường hợp áp dụng luật do các bên ký kết hợp đồng lựa chọn (Lex voluntatis)

ii. Áp dụng luật nơi thực hiện hành vi (lex loci actus): Trong Lex loci actus có 3 dạng:

- Luật của nước nơi ký kết hợp đồng (lex loci contratus), là luật nơi hợp đồng được giao kết và thường áp dụng cho tính hợp pháp của hình thức của hợp đồng.

- Luật nơi thực hiện nghĩa vụ (lex loci solutionis), là pháp luật của nước nơi nghĩa vụ (nghĩa vụ chính) từ hợp đồng được thực hiện và thường được áp dụng trong giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

- Luật của nơi thực hiện hợp đồng (lex loci regit actum), là pháp luật của nước nơi hợp đồng được thực hiện và được áp dụng để giải quyết xung đột về nội dung của hợp đồng.

iii. Áp dụng Luật quốc tịch (lex nationalis) đối với tư cách pháp lý của các bên chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng.

iv. Luật của nước có Tòa án (Lex fori).

v. Luật của nước nơi xảy ra hành vi vi phạm pháp luật (Lex loci delicti Commissi).

Tóm lại, các bên chủ thể của hợp đồng thường lựa chọn hệ thống pháp luật của nước có liên quan tới hợp đồng. Tuy nhiên, thực tế vẫn cho thấy nhiều trường hợp các bên chủ thể lựa chọn luật áp dụng của nước không có mối liên hệ gì với hợp đồng.

2.2.3. Tập quán thương mại quốc tế (Lex Mercatoria)

- Tập quán thương mại thông dụng mà chúng ta thường thấy khi áp dụng cho hợp đồng thương mại quốc tế là Các điều kiện thương mại quốc tế INCOTERMS do Phòng thương mại quốc tế ICC ban hành năm 1936, được sửa đổi vào các năm 1953, 1967, 1980, 1990 và 2000. Đây là một tập hợp những quy tắc quốc tế về những điều kiện thương mại thông dụng trong thương mại quốc tế.

- "Bản quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ" ban hành năm 1993. Bản sửa đổi số 500 viết tắt là UCP 1993 No 500.

2.2.4. Tiền lệ pháp - án lệ (case law)

Án lệ được hiểu là các bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực do Tòa án xét xử trước đây được sử dụng làm khuôn mẫu để giải quyết các vụ việc tương tự xảy ra sau này. Tại các nước theo hệ thống luật Anh - Mỹ (Common law), án lệ có vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế. Cơ quan xét xử có thể vận dụng án lệ tương tự để giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế mà có sự tương đồng.

2.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án theo quy định của các nước

2.3.1. Nguyên tắc chung trong việc giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế tại Tòa án các quốc gia

- Nguyên tắc đối xử quốc gia, nguyên tắc công khai minh bạch và nguyên tắc đảm bảo quyền khiếu kiện. Các nguyên tắc này được xem xét khi giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế tại Tư pháp quốc tế các nước trên cơ sở có đi có lại.

- Nguyên tắc tự định đoạt của đương sự - là một nguyên tắc cơ bản, đặc thù của tố tụng dân sự, thương mại.

- Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và nguyên tắc giải quyết nhanh chóng kịp thời.

2.3.2. Thủ tục tố tụng Tòa án

Khác với trọng tài, thủ tục tố tụng ở Tòa án được pháp luật quy định rất chặt chẽ, các bên không có quyền thỏa thuận về trình tự trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Tùy theo pháp luật tố tụng của từng nước quy định, song hồ sơ vụ kiện phải bao gồm đơn khởi kiện và các tài liệu làm chứng cứ. Ví dụ tranh chấp từ hợp đồng thương mại quốc tế được yêu cầu giải quyết tại Tòa án phải có đơn khởi kiện và các tài liệu làm chứng cứ như Bản hợp đồng giữa các bên, giấy tờ chứng minh điều kiện chủ thể hợp đồng, biên bản về sự vi phạm...

2.3.3. Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu trong tố tụng thương mại để giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế cũng là vấn đề cần phải biết đến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khi bị vi phạm. Thời hiệu được đặt ra cũng là nhằm thúc đẩy người có quyền lợi bị vi phạm đi kiện để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2.3.4. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa

Tại phiên tòa xét xử giải quyết các tranh chấp dân sự (nói chung) các tranh chấp hợp đồng thương mại (nói riêng), ở các nước cũng có sự khác nhau nhất định. Đặc biệt là có những đặc tính riêng ở hai hệ thống luật Châu Âu Lục địa với hệ thống luật Anh, Mỹ. Đó là, ở các phiên tòa các nước theo thủ tục tố tụng của Civil law thì thẩm phán chủ tọa phiên tòa sẽ thực hiện việc xét hỏi, chủ động đưa ra các câu hỏi và yêu cầu cung cấp bằng chứng cho yêu cầu, xác định các vấn đề phải tranh luận tại phiên tòa để làm rõ vụ việc. Còn đối với hệ thống thông luật (Anh, Mỹ) việc tranh tụng tại Tòa án chủ yếu do luật sư của hai bên thực hiện. Thẩm phán chỉ giữ vai trò trọng tài, chủ yếu là nghe các bên tranh tụng và đánh giá chứng cứ để ra bản án. Luật sư ở phiên tòa này phải thuyết phục Bồi thẩm đoàn chứ không phải là thuyết phục thẩm phán. Bồi thẩm đoàn và Tòa án sẽ ra quyết định đối với vụ tranh chấp.

2.4. Một số vấn đề khác trong hoạt động giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án

2.4.1. Vấn đề cước án phí

2.4.2. Vấn đề ủy thác tư pháp

Chương 3
THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BẰNG TÒA ÁN VIỆT NAM

3.1. Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án tại Việt Nam

3.1.1. Tình hình thụ lý, giải quyết án kinh doanh thương mại ở Tòa án

Dựa vào hệ thống Báo cáo tổng kết hoạt động xét xử hàng năm của Tòa án nhân dân tối cao, Báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trước Quốc Hội cho thấy tình hình thực tế thụ lý, giải quyết các loại án kinh doanh thương mại của Tòa án từ khi thành lập Tòa kinh tế đến nay như sau:

- Năm 1994, trong sáu tháng cuối năm, số Tòa kinh tế được thành lập là 14 tỉnh. Thụ lý và giải quyết 42/78 vụ đạt tỷ lệ 53%. Trong đó có 12 vụ có yếu tố nước ngoài.
 - Năm 1995, số Tòa kinh tế được thành lập là 17 tỉnh và thụ lý giải quyết 372/453 vụ, đạt tỷ lệ 82,4%. Trong đó có 10 vụ có yếu tố nước ngoài và giá trị tranh chấp lớn.
 - Năm 1996, thụ lý, giải quyết 496/532 vụ sơ thẩm, giá trị tranh chấp lên đến trên 300 tỷ đồng, trong đó tranh chấp chủ yếu là các loại hợp đồng kinh tế thương mại 505 vụ. Nhiều vụ liên quan đến nước ngoài có giá trị tranh chấp lớn, nội dung phức tạp.
 - Năm 1997, toàn ngành thụ lý, giải quyết 518/630 vụ. Các tranh chấp về hợp đồng vẫn chiếm chủ yếu (313 vụ) và các vụ án liên quan đến doanh nghiệp nước ngoài vẫn là phức tạp nhất.
 - Năm 1998, thụ lý, giải quyết sơ thẩm 1.078/1.226 vụ, phần lớn vẫn là tranh chấp về hợp đồng. Trong số thụ lý có 5% đương sự là công ty nước ngoài.
 - Năm 1999, thụ lý, giải quyết sơ thẩm các tranh chấp kinh doanh, thương mại 1.010/1.280 vụ.
 - Năm 2000, các tòa án địa phương thụ lý và giải quyết sơ thẩm 859/960 vụ án kinh doanh thương mại.
 - Năm 2001, thụ lý, giải quyết 575/690 vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trong đó hầu hết là tranh chấp về hợp đồng, nhất là về hợp đồng mua bán hàng hóa, 13 vụ tranh chấp hợp đồng có yếu tố nước ngoài.
 - Năm 2002, thụ lý, giải quyết 724/598 vụ án kiện kinh doanh, thương mại sơ thẩm.
 - Năm 2003, thụ lý, giải quyết 638 vụ án kiện kinh doanh, thương mại sơ thẩm.
 - Năm 2004, toàn ngành thụ lý, giải quyết 784/885 vụ.
 - Năm 2005, tòa kinh tế thụ lý, giải quyết 1035/1.260 vụ tranh chấp kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Trong đó có 160 vụ có yếu tố nước ngoài.
 - Năm 2006, lần đầu tiên con số thụ lý sơ thẩm là trên 2.000 vụ/năm. Trong đó có 302 vụ có yếu tố nước ngoài.
 - Năm 2007, toàn ngành thụ lý, giải quyết sơ thẩm 3.783/4.287 vụ, đạt tỷ lệ 88%. Trong đó có 342 vụ có yếu tố nước ngoài
- Năm 2008 vừa qua, số lượng tranh chấp kinh doanh thương mại tăng đột biến với việc thụ lý 5.384 vụ/năm. Số vụ có yếu tố nước ngoài là 419 vụ.

3.1.2. Những nhận xét chung về thực trạng thụ lý, giải quyết án kinh doanh thương mại ở Tòa án

- Những kết quả đạt được

Ở những năm mới thành lập Tòa kinh tế, số lượng thụ lý giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại nói chung còn ít so với thực tiễn kinh doanh. Tuy nhiên từ sau khi Bộ luật tố tụng dân sự 2004 ra đời, các quy định về thẩm quyền và thủ tục tố tụng kinh tế có những bước cải tiến, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Do đó số lượng án tăng đáng kể,

đặc biệt từ năm 2005 đến nay (năm 2008 số lượng thụ lý tăng đột biến, trên 5.000 vụ), thể hiện sự phát triển của nền kinh tế mở cửa và sự hội nhập kinh tế quốc tế sau khi Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Số lượng các vụ án kinh tế tăng lên phản ánh đúng thực tế tranh chấp và cũng cho thấy các doanh nhân đã tìm đến phương thức giải quyết bằng Tòa án ngày một nhiều hơn. Đặc biệt trong những năm gần đây thì án thương mại có yếu tố nước ngoài khá phổ biến và xu hướng vẫn tiếp tục tăng.

Pháp luật tố tụng quy định bảo đảm quyền tự định đoạt tối đa của đương sự trong quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp. Đương sự có quyền quyết định khởi kiện, quyền rút đơn khởi kiện, quyết định nội dung, phạm vi khởi kiện, cung cấp các chứng cứ tài liệu để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết đương sự vẫn có thể thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện. Các bên có quyền tự mình quyết định thực hiện các quyền tố tụng theo quy định của pháp luật và thực sự bình đẳng trong quá trình giải quyết tranh chấp. Tòa án không có nhiệm vụ điều tra và việc cung cấp chứng cứ thuộc về đương sự nên họ có quyền chấp nhận sự bất lợi khi không muốn cung cấp chứng cứ. Các nguyên tắc nêu trên được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự và được đảm bảo thực hiện trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Điều này thể hiện tư pháp Việt Nam trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế đã đi theo hướng tôn trọng các quy luật và đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường. Tư pháp quốc tế Việt Nam đã có tiếng nói chung với tư pháp các nước phát triển, thu hẹp dần sự cách biệt so với các nước trong khu vực và cộng đồng thương mại quốc tế về cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng Tòa án.

- Những tồn tại, vướng mắc khi giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế tại Tòa án

Thứ nhất, về mô hình tổ chức Tòa án, cơ cấu tổ chức, chức năng của Tòa án Việt Nam: Thẩm quyền giải quyết án kinh doanh, thương mại ở các cấp Tòa án còn chồng chéo, lộn xộn. Ở một cấp Tòa án có thể xét xử cả sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm, tái thẩm (Tòa án nhân dân cấp tỉnh). Trong khi Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm tất cả các loại án sơ thẩm của cấp tỉnh (bao gồm cả án hình sự, dân sự, hành chính, lao động và kinh doanh thương mại mà không chuyên trách. Thẩm phán Tòa phúc thẩm có thể xét xử phúc thẩm cùng lúc tất cả các loại án hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại...).

Thứ hai, về xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án đối với các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế: Các quy định về xác định thẩm quyền theo kiểu liệt kê.

Thứ ba, về luật áp dụng pháp để giải quyết các vụ tranh chấp hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài: Việt Nam còn hạn chế ký kết và gia nhập các Công ước quốc tế về thương mại, các Hiệp ước tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và các nước. Ngay cả Tòa án nhân dân tối cao cũng không quy định hướng dẫn về việc giải quyết các vụ án kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài.

Thứ tư, về thời hiệu khởi kiện các tranh chấp thương mại quốc tế: Các quy định về thời hiệu khởi kiện theo pháp luật Việt Nam còn quá tản mạn ở khắp các văn bản pháp luật nội dung, chuyên ngành (Luật thương mại, luật đầu tư, luật hàng không dân dụng, luật hàng hải...) mà đáng lẽ phải được quy định ở văn bản luật tố tụng.

Thứ năm, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế: Thực tiễn giải quyết, Tòa án Việt Nam còn rất hạn chế trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Các quy định hướng dẫn cụ thể việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời còn thiếu.

Thứ sáu, vấn đề ủy thác tư pháp khi giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài: Hiện nay, trong quá trình giải quyết các vụ tranh chấp hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài, Tòa án Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp với các nước để thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án nhưng còn nhiều khó khăn do nhiều lý do khác nhau, kết quả ủy thác tư pháp còn chậm hoặc không có sự hồi âm. Thực tế là việc ủy thác tư pháp này còn phụ thuộc vào thiện chí của bên nhà nước nhận ủy thác.

Cuối cùng là vấn đề con người: Tất cả các quốc gia, dù theo hệ thống pháp luật nào đi chăng nữa đều thừa nhận rằng hiệu quả của hoạt động xét xử của ngành Tòa án phụ thuộc phần lớn vào cơ chế hoạt động của đội ngũ Thẩm phán.

3.2. Các giải pháp về hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng Tòa án Việt Nam

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp từ hợp đồng thương mại có yếu tố nước ngoài

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng Tòa án

Trước hết, cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Tòa án phải thỏa mãn được các đòi hỏi của nền kinh tế thị trường trong bối cảnh cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Thứ hai, phương hướng hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Tòa án phải bảo đảm được yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế.

Thứ ba, tính minh bạch của pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Tòa án cũng phải được tính đến trong phương hướng hoàn thiện pháp luật.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật tố tụng bằng cách quy định đơn giản hóa và xã hội hóa các thủ tục tố tụng kinh tế ở Tòa án. Bảo đảm quyền tự định đoạt của các bên đương sự trong tranh chấp thương mại. Quy định của pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng phải thống nhất.

Thứ năm, nâng cao năng lực giải quyết các loại án kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài bằng Tòa án.

3.2.3. Một số kiến nghị về các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài bằng Tòa án

Một là, hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức của Tòa án theo định hướng cải cách tư pháp: Trong bối cảnh hiện nay, Tòa kinh tế có thể được tổ chức theo mô hình tòa án khu vực và theo nguyên tắc hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm. Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm, tổng kết và hướng dẫn xét xử. Với mô hình như vậy đảm bảo triệt để thực hiện hai cấp xét xử, trình tự tố tụng phân biệt rạch ròi cho hai cấp sơ và phúc thẩm, không có sự nhầm lẫn về thẩm quyền giữa cấp tỉnh với cấp huyện. Việc giám đốc thẩm, tái thẩm chỉ thực hiện một lần ở các Tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân tối cao.

Hai là, hoàn thiện quy định về thẩm quyền tòa án Việt Nam: Trên cơ sở thay đổi về mô hình tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân, pháp luật tố tụng dân sự, thương mại theo đó có những quy định phù hợp với xu hướng cải cách tư pháp ở Việt Nam.

- Về thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam đối với các vụ tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài (tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế), cần được mở rộng để đảm bảo nhu cầu của sự hội nhập kinh tế quốc tế. Cách quy định về thẩm quyền của Tòa án giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại không nên theo phương pháp liệt kê, mà cần quy định bằng phương pháp loại trừ.

- Về thẩm quyền theo lựa chọn: Chúng ta nên tham khảo kinh nghiệm pháp luật các nước về vấn đề thỏa thuận chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp để có những quy định phù hợp từng quan hệ tranh chấp và phù hợp xu hướng chung quốc tế.

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài của Tòa án cần đảm bảo tính thống nhất, tạo điều kiện áp dụng cho các Tòa án.

Ba là, tích cực tham gia điều ước quốc tế: Việt Nam cần tích cực và nhanh chóng tham gia các công ước quốc tế về tư pháp quốc tế và liên quan đến giải quyết tranh chấp thương mại như là: Tham gia công ước Vienna 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế, Công ước Roma về luật áp dụng đối với nghĩa vụ hợp đồng, Công ước La Hay ngày 15/11/1965 về Tổng đạt ở nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp liên quan đến dân sự và thương mại, Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ cho các vụ kiện dân sự và thương mại...

Bốn là, hoàn thiện pháp luật theo hướng đồng bộ giữa pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng: Pháp luật tố tụng được các cơ quan giải quyết tranh chấp áp dụng khi giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật nội dung. Vì vậy giữa pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng phải thống nhất với nhau về nội hàm của các khái niệm pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại.

Năm là, hoàn thiện quy định về thời hiệu khởi kiện: Đối với các quy định về thời hiệu khởi kiện chỉ nên quy định trong một văn bản pháp luật duy nhất là Bộ luật tố tụng dân sự.

Sáu là, vấn đề ủy thác tư pháp trong giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế: Theo mô hình tổ chức Tòa án sửa đổi, Tòa án sơ thẩm khu vực có thẩm quyền giải quyết tất cả các loại án tranh chấp kinh doanh, thương mại. Vì vậy, quy định về ủy thác tư pháp phải được thực hiện ở tất cả các Tòa án sơ thẩm khu vực. Tăng cường ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp về các hoạt động ủy thác tư pháp.

Bảy là, hoàn thiện cơ chế Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân trong giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại quốc tế: Trong hoạt động của Tòa án, vai trò của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân mang tính quyết định. Bởi đó là những người nhân danh quyền lực nhà nước làm trọng tài phán xử về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tranh chấp.

Trong điều kiện hiện tại với việc mở rộng quan hệ thương mại quốc tế, kêu gọi đầu tư trở thành chiến lược của mỗi quốc gia trong cơ chế thị trường thì chúng ta phải chuyên nghiệp đội ngũ Thẩm phán.

Hội thẩm nhân dân tham gia giải quyết án kinh doanh thương mại phải là các thương gia do Hiệp hội thương mại, Hiệp hội doanh nghiệp bầu và quản lý.

KẾT LUẬN

Các hoạt động thương mại quốc tế ngày càng sôi động và phát triển đa dạng, các tranh chấp từ hợp đồng thương mại quốc tế cũng trở nên phổ biến và được giải quyết bằng nhiều phương thức khác nhau. Thời gian qua, Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, đã có nhiều quy định nhằm hướng tới sự đa dạng các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là các tranh chấp thương mại quốc tế. Các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế có thể được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án, ở mỗi phương thức đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định.

Là một phương thức giải quyết tranh chấp, các bên trong hợp đồng thương mại có thể lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp là Tòa án khi không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Pháp luật hầu hết các nước đều rất coi trọng phương thức giải quyết này. Khi giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng tòa án các quốc gia, một mặt bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể kinh doanh, mặt khác thể hiện quan điểm của nhà nước trong việc điều tiết các quan hệ kinh tế, thương mại phát triển phù hợp. Các quy định của pháp luật về phương thức tài phán bằng tòa án trong lĩnh vực thương mại có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển, khả năng hội nhập với các nước. Một trong những yếu tố cho việc thu hút đầu tư quốc tế cũng chính là môi trường pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của nhà nước đó.

Mô hình tổ chức, nội dung pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng Tòa án không hoàn toàn giống nhau ở các nước trên thế giới. Tuy nhiên các nội dung cơ bản đều được các nước thừa nhận chung bao gồm: các quy định về mô hình, cơ cấu, tổ chức Tòa án quốc gia; các nguyên tắc hoạt động của tòa án; các quy định về thẩm quyền của Tòa án; các quy định về Thẩm phán, Hội thẩm; các quy định về tố tụng Tòa án. Bên cạnh pháp luật quốc gia quy định về các vấn đề trên, các nước cũng ký kết nhiều Công ước quốc tế quy định về thẩm quyền Tòa án và luật áp dụng cho việc giải quyết các tranh chấp thương mại bằng Tòa án.

So sánh với các quy định của các nước trên thế giới, Việt Nam cũng đã bước đầu có những thay đổi như là thành lập Tòa kinh tế chuyên trách ở Tòa án cấp tỉnh và tối cao; mở rộng hơn thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam đối với các vụ, việc thương mại có yếu tố nước ngoài; đổi mới các quy định trong tố tụng như là quyền tự định đoạt của đương sự được đảm bảo đúng theo bản chất quan hệ pháp luật tư và tăng cường việc tranh tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, cũng còn nhiều điểm bất cập, đó là mô hình tổ chức Tòa án còn theo cấp hành chính; các chế định về Thẩm phán và Hội thẩm chưa đảm bảo tính độc lập của ngành Tòa án; trình độ, năng lực đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm về xét xử các loại án tranh chấp thương mại quốc tế còn chưa đáp ứng kịp với nền kinh tế đòi hỏi. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án Việt Nam hiện nay là một đòi hỏi cấp bách, có tính tất yếu.

Các nội dung cơ bản của việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao vai trò của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế bằng tòa án trong thời kỳ hội nhập là: Đổi mới mô hình tổ chức tòa án theo khu vực và cấp xét xử, khi xét xử Thẩm phán xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, bảo đảm tốt nguyên tắc tố tụng tranh tụng, tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự

trong quá trình tố tụng; nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ, ngành Tòa án nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập, đặc biệt là giải quyết các vụ án thương mại quốc tế; hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế trên cơ sở nền kinh tế Việt Nam, văn hóa kinh doanh và tập quán thương mại của giới doanh nhân Việt Nam, đồng thời phải thừa nhận những thông lệ chung của hoạt động thương mại quốc tế và giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế. Chính vì vậy cần tìm hiểu, tham khảo pháp luật các quốc gia trên thế giới để chọn lọc những điểm tương đồng và học hỏi kinh nghiệm áp dụng phù hợp nền kinh tế xã hội Việt Nam. Tham gia nhiều hơn nữa các Công ước quốc tế về tư pháp, về các hoạt động thương mại và cơ chế giải quyết các tranh chấp dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài bằng tòa án.

Ngoài ra, để việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế bằng Tòa án ở Việt Nam đạt kết quả tốt (bảo vệ được quyền và các lợi ích hợp pháp của các bên đương sự một cách nhanh chóng và chất lượng, thúc đẩy các quan hệ hợp tác thương mại quốc tế phát triển), cần có một số biện pháp như: Cơ cấu tổ chức Tòa án theo mô hình khu vực và cấp xét xử. Thừa nhận Thẩm phán là một nghề, bổ nhiệm một lần. Đội ngũ thẩm phán phải được đào tạo một cách chuyên nghiệp về giải quyết tranh chấp thương mại nói chung, các tranh chấp thương mại quốc tế nói riêng.

This document was created with Win2PDF available at <http://www.win2pdf.com>.
The unregistered version of Win2PDF is for evaluation or non-commercial use only.
This page will not be added after purchasing Win2PDF.